

Chương trình dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục đại học trong nước và trên thế giới: Thực trạng áp dụng và đề xuất cải thiện

Lê Thị Tuyết Hạnh

Trường Đại học Vinh
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Email:hanhfran@gmail.com

TÓM TẮT: Việc dạy học môn chuyên ngành bằng tiếng Anh (EMI) đang thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu cũng như các nhà giáo dục trên thế giới và trong nước. Dựa trên các phân tích tổng hợp các nghiên cứu liên quan, bài viết tổng hợp những vấn đề còn tồn tại trong việc áp dụng các chương trình chất lượng cao, đồng thời đưa ra một số đề xuất nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy EMI tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Bài viết tập trung vào vấn đề phát triển nhân lực tham gia giảng dạy ở các chương trình này và đưa ra đề xuất nội dung cần tập huấn cho giáo viên EMI, bao gồm việc phát triển năng lực giảng dạy, năng lực ngoại ngữ và năng lực đa văn hóa.

TỪ KHÓA: Dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh; giáo dục đại học; năng lực; chính sách ngôn ngữ; chương trình EMI.

→ Nhận bài 27/10/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 16/11/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập, việc quốc tế hóa giáo dục (GD) là một trong những yêu cầu quan trọng của bất kỳ quốc gia nào. Với mục đích đổi mới GD đại học (ĐH) và thúc đẩy sự phát triển của chất lượng dạy và học cũng như nâng cao sự thu hút của nhà trường trong việc quảng bá tuyển sinh, các chương trình quốc tế đã và đang được các trường ĐH trên thế giới áp dụng rộng rãi. Trong chương trình này, tiếng Anh được xem như một phương tiện dùng để giảng dạy các môn học chuyên ngành. Trên thực tế, giảng dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh (English as medium of instruction (EMI)) là một ngành nghiên cứu khá phổ biến trên thế giới hiện nay. Hình thức giảng dạy này có những đặc thù riêng vì cả người học và người dạy đều cần những kỹ năng, kiến thức tiếng Anh và chuyên môn riêng để đạt đến tính hiệu quả của môn học. Chính vì vậy, lĩnh vực này thu hút nhiều sự chú ý của các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước (Toh, 2016; Tsou & Kao, 2018; Puman & Thomas, 2020; Ly Tran, 2018; Ly Tran et al., 2018; Vu & Burns, 2014). Tại Việt Nam, giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh là một trong những định hướng chiến lược cần tăng cường trong các trường ĐH (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Các chương trình chất lượng cao này đã được áp dụng ở các trường ĐH ở Việt Nam một thời gian khá dài (Ly Tran, 2018). Tuy nhiên, những nghiên cứu gần đây cho thấy, các chương trình này vẫn còn tồn tại một số vấn đề (Ly Tran, 2018; Ly Tran et al., 2018; Vu & Burns, 2014). Trên cơ sở phân tích thực trạng áp dụng chương

trình dạy môn chuyên ngành trên thế giới và trong nước, bài viết đưa ra các đề xuất hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy học trong các chương trình này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thuật ngữ

English as a medium of instruction (EMI) được định nghĩa là: “Việc sử dụng tiếng Anh để dạy các môn học khác trong các nước mà ngôn ngữ thứ nhất của họ không phải là tiếng Anh” (Dearden, 2015, p.3). Khái niệm EMI sẽ được giữ nguyên trong bài viết này với cách hiểu đó vì trong tiếng Việt không có từ tương ứng ngắn gọn mà có thể diễn tả được đúng nội dung của hình thức tiếng Anh này. Cụ thể, EMI được dùng như một thuật ngữ để chỉ việc dùng tiếng Anh như một phương tiện để giảng dạy các môn chuyên ngành khác trong các cơ sở GD.

2.2. Thực trạng áp dụng chương trình EMI trên thế giới

Với xu thế toàn cầu hóa trong các cơ sở GD ĐH, các chương trình EMI nhanh chóng trở thành xu thế phát triển trên thế giới và thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu (Toh, 2016; Tsou & Kao, 2018). Một số lí do sau đã được Tsou và Kao (2016) đưa ra để giải thích vì sao chương trình EMI lại có thể thu hút sự quan tâm của các nhà GD và nghiên cứu đến như vậy: 1/ Tiếng Anh là một ngôn ngữ quốc tế, nó không chỉ là ngôn ngữ giao thương trên thế giới mà còn là ngôn ngữ được sử dụng chính thống trong các ấn phẩm khoa học uy tín; 2/ Hiện nay, các trường ĐH đang cố gắng nâng hạng

của mình trong các bảng xếp hạng uy tín trên thế giới. QS World University Rankings đánh giá thứ hạng trong bảng xếp hạng theo nhiều tiêu chí khác nhau trong đó có 2 tiêu chí liên quan đến vấn đề quốc tế hóa: 5% dành cho sinh viên quốc tế và 5% dành cho các khoa quốc tế. Việc phát triển hiệu quả các chương trình EMI có thể giúp thu hút được các ngành cũng như người học quốc tế đến cho trường, từ đó nâng điểm trong quá trình xếp hạng trên quy mô quốc tế; 3/ Việc phát triển của các chương trình EMI cũng giúp cho các cơ sở GD có một môi trường đa văn hóa. Sinh viên từ các quốc gia khác nhau đến học tập cũng mang lại những sự hỗ trợ về ngôn ngữ, văn hóa cũng như thu nhập cho cơ sở GD sở tại đó. Macro (2015) đã khảo sát 55 quốc gia và gần 400 giảng viên EMI và tổng hợp 7 điểm chính sau:

- Trước đây, các chương trình EMI phổ biến hơn ở các cơ sở dân lập, do nhu cầu tăng nên các trường công lập cũng bắt đầu áp dụng.

- Đáng lưu ý rằng, phần lớn các chương trình được áp từ trên xuống chứ không phải do đề xuất từ giảng viên. Điều đó có nghĩa là, EMI được áp dụng do nhu cầu của cơ sở GD.

- Có rất nhiều hình thức tiếng Anh được sử dụng trong các lớp EMI: Tiếng Anh Mỹ, Anh Anh, Anh Úc và tiếng Anh toàn cầu (World Englishes).

- 80% giảng viên được hỏi nói rằng, EMI nâng cao năng lực tiếng Anh của người học.

- 30% người được hỏi đồng ý với nhận định EMI vẫn giúp người học đạt chuẩn môn học, trong khi đó 45% không đồng ý và 25% không chắc chắn.

- Chưa có minh chứng cho thấy các chương trình EMI ảnh hưởng xấu đến tiếng mẹ đẻ và văn hóa của quốc gia đó.

- Các giảng viên tiếng Anh đóng vai trò là người cùng hợp tác với các giảng viên dạy môn chuyên ngành bằng tiếng Anh dưới nhiều hình thức khác nhau.

Nhìn chung, các nghiên cứu về EMI được chia thành 2 mảng nghiên cứu lớn: chính sách ngôn ngữ và hoạt động trong lớp học.

2.2.1. Chương trình EMI và các chính sách ngôn ngữ

Theo Tollefson và Tsui (2004), việc lựa chọn ngôn ngữ nào để làm phương tiện giảng dạy là một trong những quyết định quan trọng nhất trong các chương trình đào tạo, chính vì thế ngôn ngữ phương tiện này đang là một vấn đề thu hút sự quan tâm trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan chính sách và hoạch định ngôn ngữ (Hamid, Hoa Thi Mai Nguyen & Baldauf, 2013). Hamid, Hoa Thi Mai Nguyen & Baldauf (2013) cũng chỉ ra rằng một số nước ở Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và

Việt Nam rất nhanh chóng áp dụng tiếng Anh phương tiện trong hệ thống GD của mình vì họ nhận thấy những lợi ích của việc toàn cầu hóa GD mang lại. Tuy nhiên, Doiz et al. (2012) đã chỉ ra rằng mục tiêu của các chương trình sử dụng tiếng Anh phương tiện này bị hạn chế vì chính năng lực tiếng Anh của người học và người dạy. Bên cạnh đó, Hamid, Hoa Thi Mai Nguyen & Baldauf (2013) đã nhận định rằng, ngôn ngữ phương tiện giảng dạy này đang được hiểu một cách đơn giản hơn bản chất của nó và dẫn đến những trở ngại cho các bên tham gia triển khai, trong đó đặc biệt nhắc đến người dạy và người học. Leong (2017) cũng khẳng định trong nghiên cứu của mình về chính sách tiếng Anh phương tiện ở các trường ĐH tại Nhật Bản rằng, việc thiếu giảng viên được đào tạo theo EMI và năng lực tiếng Anh hạn chế là 2 trong các vấn đề làm hạn chế những cố gắng áp dụng chương trình tiếng Anh phương tiện trong các cơ sở GD. Cụ thể, Việc áp dụng các chương trình EMI cũng đặt ra những nghi ngại liên quan đến việc tiếp nhận kiến thức qua phương tiện tiếng Anh (Byunn et al., 2011; Cho, 2012; Erling and Hilgendorf, 2006; Kirkpatrick, 2011). Những nghiên cứu khác (Freeman et al., 2015; Klaassen and De Graaff, 2001) đã chỉ ra rằng, giảng viên cần được đào tạo một cách rõ ràng về phương pháp giảng dạy và năng lực tiếng Anh để đạt được mục tiêu đặc thù trong các chương trình EMI này.

2.2.2. Chương trình EMI và những hoạt động trong lớp học

Mặc dù EMI được áp dụng ở Châu Âu đã lâu nhưng các nghiên cứu về ảnh hưởng của nó trong lớp học vẫn còn hạn chế. Dafouz and Camacho - Minano (2016) tiến hành so sánh giữa việc sử dụng tiếng Anh làm phương tiện và tiếng mẹ đẻ để dạy môn Kế toán tài chính. Kết quả đã cho thấy, EMI không làm giảm kết quả môn học của người tham gia khi so sánh với việc học môn học đó bằng tiếng mẹ đẻ.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc sử dụng tiếng Anh để giảng dạy môn chuyên ngành cần các kỹ năng đặc thù, ngay cả đối với người có năng lực tiếng Anh tốt (Chen, 2017). Trong nghiên cứu về lớp EMI ở Đài Loan, Chen (2017) đã sử dụng hai công cụ nghiên cứu là phiếu điều tra sinh viên và phỏng vấn giảng viên về các vấn đề liên quan đến sự ngôn ngữ môn học và việc truyền tải nội dung môn học. Kết quả nghiên cứu đã liệt kê ra một số vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong giảng dạy các lớp EMI, từ đó đề xuất một số chiến thuật giảng dạy phù hợp: 1/ Giảng viên EMI cần phân biệt được sự khác biệt giữa ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói cũng như những dấu hiệu ngôn ngữ (discourse markers) để có thể truyền đạt các thông tin trong giáo trình một cách chính xác dễ tiếp

cận hơn; 2/ Giảng viên EMI không phải là giảng viên ngôn ngữ nên việc hiểu tác động của ngôn ngữ thứ hai lên người học sẽ giúp ích cho việc giảng dạy của họ; 3/ Giảng viên EMI có thể hưởng lợi từ việc phối hợp với giảng viên tiếng Anh; 4/ Giáo viên EMI có thể tham gia các câu lạc bộ hoặc các khóa học online để nâng cao kỹ năng nói của họ.

Tsou (2017) thực hiện một nghiên cứu khác tại Đài Loan với việc quan sát và ghi hình lớp học ở các lớp kỹ sư về sự tương tác trên lớp học EMI. Kết quả chỉ ra rằng, có rất ít tương tác được thực hiện trong các lớp học EMI này. Một trong những lý do mà giảng viên EMI đưa ra là ở các lớp học này việc truyền tải nội dung là quan trọng và không cần thiết phải có hoạt động tương tác. Tác giả cũng đề xuất một quy trình nhằm phát triển tương tác trong các lớp EMI. Quy trình này gồm 3 giai đoạn: 1/ Giai đoạn tiền EMI, cần có đào tạo kỹ năng ngôn ngữ cho người học và tổ chức các khóa tập huấn cho giảng viên; 2/ Quá trình áp dụng EMI, với giai đoạn này, các tương tác cần được phát triển các hoạt động tương tác trong việc kiểm tra sự hiểu bài, tương tác vì mục đích đánh giá và tương tác trong quá trình làm bài tập dự án và giai đoạn hậu EMI; 3/ Đánh giá khóa học và khoanh vùng các vấn đề cần cải thiện.

Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi Chern and Lo (2017) liên quan đến động lực học thông qua các hoạt động truyền tải kiến thức. Nghiên cứu trường hợp một giảng viên EMI có năng lực tiếng Anh rất tốt và đã tham gia một khóa học cấp tốc trong 5 ngày về các vấn đề liên quan đến việc dạy các môn chuyên ngành bằng một ngoại ngữ khác tiếng mẹ đẻ. Giảng viên EMI đã áp dụng các hoạt động thuyết trình, đóng kịch, nghiên cứu trường hợp, hoạt động trải nghiệm, khách mời và thực tập. Kết quả cho người học EMI thể hiện động lực của họ rất rõ qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động này. Một trong những ngầm định được nêu ra là cần có những khóa đào tạo cấp tốc như trong nghiên cứu cho các giảng viên tham gia giảng dạy trong các lớp EMI.

Macaro và Dearden (2018) cho thấy những hạn chế trong việc giao tiếp bằng tiếng Anh của giảng viên. Việc thiếu các khóa học tập huấn về EMI và việc thiếu quan tâm đến việc phát triển năng lực tiếng Anh cho người học đã dẫn đến sự thiếu hiệu quả trong lớp học và thiếu sự tương tác giữa người dạy và người học trong các lớp học EMI.

2.3. Thực trạng áp dụng các chương trình EMI tại Việt Nam

Trong bối cảnh cạnh tranh chất lượng GD trong nước và trên thế giới tăng cao, các trường ĐH tại Việt Nam đã nhanh chóng quan tâm đến việc toàn cầu hóa chất lượng

GD để nâng cao vị thế của mình. Xu thế toàn cầu hóa GD được thể hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau trong đó có việc phát triển các lớp học chất lượng cao mà ở đó tiếng Anh được xem như phương tiện dạy và học. Việc phát triển các chương trình EMI trong các trường ĐH ở Việt Nam đã được thực hiện hơn 20 năm qua (Ly Tran & Huong Thu Nguyen, 2018). Sự xúc tiến chương trình EMI trong các cơ sở GD được áp dụng với mục đích phát triển nguồn nhân lực trẻ với năng lực tiếng Anh cao có thể đáp ứng được xu thế toàn cầu hóa trong thị trường lao động (Thi Kim Anh Dang, Hoa Thi Mai Nguyen & Truc Thi Thanh Le, 2013) và được xem như dấu hiệu của một mục tiêu phát triển và hội nhập (Ly Tran & Huong Thu Nguyen, 2018).

Cho đến nay, có 2 loại chương trình EMI đang được áp dụng tại Việt Nam: 1/ Chương trình liên kết do cơ sở GD liên kết ở nước ngoài cấp bằng; 2/ Chương trình chất lượng cao áp dụng khung chương trình quốc tế do cơ sở GD tại Việt Nam cấp bằng. Đến năm 2018, có 21 cơ sở GD ĐH áp dụng chương trình EMI này với 55 chương trình học khác nhau. Tuy nhiên, Li (2013) nhận định rằng, mặc dù việc nhanh chóng áp dụng các chương trình EMI ở Việt Nam được xem như là một phản ứng kịp thời trong nhu cầu phát triển hiện hành và cũng đã đạt được những thành quả nhất định. Tuy nhiên, thực tế áp dụng các chương trình này vẫn chưa được xem là đạt mục tiêu đề ra.

Ly Tran and Huong Thu Nguyen (2018) nêu ra rằng, năng lực tiếng Anh là một trong những trở ngại lớn nhất trong việc thực thi các chương trình EMI. Họ chỉ rõ rằng, các giảng viên tham gia giảng dạy ở các lớp EMI được mặc định là có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh vì hầu hết họ đều hoàn thành các bậc học sau ĐH ở các nước nói tiếng Anh hoặc ở các chương trình EMI ở nước ngoài. Chính vì vậy, họ không được thụ hưởng bất cứ một chương trình đào tạo hay tập huấn EMI nào trước khi tham gia giảng dạy ở các lớp EMI. Từ thực tế đó, nghiên cứu của hai tác giả này cũng đã đề cập đến việc sử dụng song ngữ trong các lớp EMI và từ đó dẫn đến sự nghi ngại của người học trong mục đích nâng cao năng lực tiếng Anh của mình được đặt ra khi tham gia vào chương trình này.

2.4. Trao đổi và đề xuất

Từ phân tích về thực tiễn áp dụng cũng như những vấn đề còn tồn tại trong các chương trình EMI trên thế giới và ở Việt Nam, một chương trình đào tạo cho đội ngũ giảng dạy là rất cần thiết. Chương trình này cần tập trung vào các yếu tố sau:

- Phương pháp sư phạm EMI: Trong nghiên cứu của

minh, Dearden (2015) đã nhận định rằng, giảng viên trong các lớp học EMI không chỉ cần năng lực tiếng Anh ở cấp độ cao mà họ còn cần những kỹ năng giảng dạy của một giảng viên tiếng Anh. Trên thực tế, việc giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh không chỉ đơn giản là việc dịch nội dung các môn học sang tiếng Anh hoặc trình chiếu các slides bằng tiếng Anh mà thôi. Nghiên cứu gần nhất được thực hiện ở Hong Kong (Pun & Thomas, 2020) đã chỉ ra rằng, sự khó khăn trong nghiệp vụ sư phạm của giảng viên EMI chưa thực sự thu hút sự chú ý của các nhà GD và các nhà nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của họ đã khẳng định những phương pháp giảng dạy tiếng Anh có thể hỗ trợ giảng viên EMI cải thiện khả năng truyền đạt của họ, vì trên thực tế tiếng Anh phương tiện là một trong những yếu tố gây trở ngại cho việc thực hiện các lớp học EMI một cách hiệu quả. Tác giả cũng đề xuất việc sử dụng một số phương pháp giảng dạy trong đó có việc đề xuất phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ trong những lớp học đó. Một đề xuất khác liên quan đến việc liên kết giữa giảng viên dạy môn tiếng Anh và giảng viên dạy môn chuyên ngành. Sự liên kết này là để trao đổi các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ xảy ra trong lớp học EMI để cùng giải quyết (Pun & Thomas, 2020).

- Năng lực tiếng Anh: Thực tế cho thấy năng lực tiếng Anh của giảng viên và sinh viên Việt Nam chưa đạt được đến những trình độ yêu cầu để tạo nên sự hiệu quả cho chương trình EMI (Ly Tran and Huong Thu Nguyen, 2018), việc đầu tư thêm vào đào tạo năng lực tiếng Anh là điều cần thiết. Đề án Ngoại ngữ quốc gia mặc dù đã có những chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên nhưng lại tập trung vào các giảng viên dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài (BGD-ĐT, 2014). Cho đến nay, chưa có một chương trình hỗ trợ năng lực giảng dạy nào được dành riêng cho đối tượng giảng viên EMI này từ phía Bộ GD&ĐT. Ly Tran and Huong Thu Nguyen (2018) đã nhận định rằng, với chính sách và những hoạt động hiện tại liên quan đến chương

trình EMI, cả sinh viên và giảng viên đều nhận thấy khó đạt được mục tiêu khi một số nghiên cứu trước đó thậm chí còn đề xuất năng lực tiếng Anh của người học phải đạt C1 và người dạy là C2 xét theo Khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu thì mới đạt hiệu quả trong việc dạy-học của mình (Li, 2013; Unterberger, 2012).

- Năng lực đa văn hóa: Việc phát triển các chương trình EMI không chỉ nhằm giúp người học tiếp cận được các chương trình quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trong môi trường quốc tế mà còn giúp các cơ sở đào tạo thu hút được người học ở nước ngoài đến học tập (Tsou & Kao, 2018). Chính vì vậy, việc trau dồi năng lực đa văn hóa cho các giảng viên EMI là điều cần thiết. Năng lực đa văn hóa giúp cho người dạy có khả năng thiết kế các hoạt động giảng dạy để có thể thích nghi được nhận thức của sinh viên nước ngoài, đồng thời tạo được môi trường thân thiện và tôn trọng bản sắc người học. Năng lực đa văn hóa cũng là một trong những năng lực quan trọng và đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới (Frawley et al, 2020).

3. Kết luận

Bài viết đã tổng hợp xu hướng phát triển của các chương trình GD EMI trên thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt tập trung vào sự áp dụng các chương trình EMI và những vấn đề còn tồn tại. Nhìn chung, chương trình này đã và đang là một hướng đi phù hợp cho các cơ sở GD trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Tuy nhiên, các chương trình chưa phát huy được hết hiệu quả mong muốn vì nhiều lý do: chính sách, môi trường GD và đặc biệt là vấn đề về nhân lực. Chính vì vậy, việc xây dựng một khóa tập huấn về phương pháp dạy học EMI để đào tạo người tham gia giảng dạy là điều rất cần thiết. Giáo viên EMI không chỉ phải trau dồi về chuyên môn mà còn cần các phẩm chất năng lực khác như năng lực giảng dạy, năng lực tiếng Anh và năng lực đa văn hóa. Bộ GD&ĐT và các bên liên quan nên quan tâm hơn nữa đến việc này nhằm nâng cao chất lượng dạy - học ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Dearden, J. (2015), *English as a medium of instruction - A growing global phenomenon*, Oxford, UK: University of Oxford.
- [2] Frawley, J., Rusel, G., Sherwood, J. (2020), *Cultural competence and the higher education sector: Australian perspectives, policies and practices*, Sydney, Australia: Springer.
- [3] Huong Thu Nguyen, Ian Walkinshaw and Hiep Hoa Pham, (2017), *EMI programs in a Vietnamese University: Language, Pedagogy and Policy issues*, Book chapter, English Medium Instruction in Higher Education in Asia Pacific, Multilingual Education, 21. DOI 10.1007/978-3-319-51976-0_3.
- [4] Li, D.C.S. (2013), *Linguistic hegemony or linguistic capital?*, Internationalization and English-medium instruction at the Chinese University of Hong Kong, In A. Doiz, D. Lasagabaster, & J. M. Siera (eds.), *English-medium instruction at universities: Global challenges* (pp.65-83), Toronto, Canada: Multilingual Matters.
- [5] Ly Tran & Huong Thu Nguyen, (2018), *Internalisation of higher education in Vietnam through English medium instruction (EMI): Practice, Tensions and Implications for Local Language policies*, Book chapter, Multilingual Education Yearbook 2018, Multilingual Education

- Yearbook, 91-106.
- [6] MOET, (2014), *Circular No. 23/2014/TT-BGDĐT: Regulations on high-quality programs in universities*, Hanoi: Ministry of Education and Training (MOET).
- [7] Nha Vu & Burn, A, (2014), *English as a medium of instruction: Challenges for Vietnamese tertiary lecturers*, *Journal of Asia TEFL*, 11(3), 1-31.
- [8] Thi Kim Anh Dang, Hoa Thi Mai Nguyen., & Truc Thi Thanh Le, (2013), *The impacts of globalisation on EFL teacher education through English as a medium of instruction: an example from Vietnam*, *Current Issues in Language Planning*, 14 (1), 52-72, DOI: 10.1080/14664208.2013.780321.

EMI PROGRAMS IN HIGHER EDUCATION IN VIETNAM AND IN THE WORLD: APPLICATIONS AND RECOMMENDATIONS

Le Thi Tuyen Hanh

Vinh University
182 Le Duan, Vinh city,
Nghe An province, Vietnam
Email:hanhfran@gmail.com

ABSTRACT: *The use of English as a medium of instruction (EMI) has attracted much attention from many researchers and educators worldwide. Basing on the analysis of related studies, this paper aims at synthesizing EMI application in different countries in the world, including Vietnam, and then recommending some solutions in order to improve the effectiveness of EMI teaching and learning at higher institutions in Vietnam. More specifically, the paper focuses on professional development of EMI teachers by suggesting that EMI training program needs to develop teachers' different competencies, including pedagogical competence, target language competence and multi-cultural competence.*

KEYWORDS: English as a medium of instruct (EMI); higher education; competency; language policy; EMI programs.